

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX
V/v hướng dẫn đánh giá, chấm
điểm, xếp loại Đơn vị học tập trên
địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

Kính gửi:

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Huyện ủy/Thành ủy các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập, Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn đánh giá, chấm điểm, xếp loại Đơn vị học tập trên địa bàn tỉnh như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Cơ quan cấp tỉnh

1.1. Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh;

1.2. Cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh).

2. Cơ quan cấp huyện

1.1. Cơ quan tham mưu, giúp việc huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;

1.2. Cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh cấp huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện).

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

1. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập

Thực hiện theo phương thức chấm điểm. Tổng số điểm tối đa cho tất cả các tiêu chí là 100 điểm (*theo Phụ lục 01*).

2. Xếp loại

- Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85 điểm đến 100 điểm.
- Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70 điểm đến dưới 85 điểm.
- Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
- Loại chưa đạt: Các trường hợp còn lại.

3. Quy trình thực hiện

3.1. Hằng năm các cơ quan, đơn vị tổ chức tự đánh giá, xếp loại theo các tiêu chí quy định (*theo Phụ lục 01*). Hoàn thành việc đánh giá, xếp loại và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập (*theo Phụ lục 02*) về Sở Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp tỉnh); Phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với các đơn vị cấp huyện) trước ngày 05/01 của năm sau.

3.2. Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức các đoàn kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị và tổng hợp kết quả trình Chủ tịch UBND cùng cấp quyết định công nhận và công khai kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập.

3.3. Việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập được thực hiện định kỳ một năm một lần.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Hội Khuyến học tỉnh, Sở Nội vụ, các sở, ngành và đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp và báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31/01 hàng năm.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo các đơn vị cấp huyện xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị cấp huyện trên địa bàn.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập của các đơn vị cấp huyện trên địa bàn; báo cáo kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/01 hàng năm.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên tại cơ quan, đơn vị đảm bảo cho hoạt động theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Thông tư 22/2020/TT-BGDĐT.

Trên đây là hướng dẫn đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, đề nghị các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị cấp huyện triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Hội Khuyến học tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

Phụ lục 01
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ ĐƠN VỊ HỌC TẬP

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa
1	Các điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập	30
a)	<i>Đơn vị có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên</i>	10
	Không có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên	0
	Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên	5
	Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên và các nội dung trong chủ trương hoặc kế hoạch đều thực hiện được	10
b)	<i>Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập</i>	10
	Không có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	0
	Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	5
	Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập và các quy định thực sự động viên tốt các thành viên trong đơn vị học tập	10
c)	<i>Đơn vị quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên</i>	10
	Không quan tâm	0
	Đã quan tâm đầu tư các nguồn lực	5
	Đã quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) và sự quan tâm đó đã đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên	10
2.	Kết quả học tập của thành viên	
a)	<i>100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hằng năm được lãnh đạo phê duyệt</i>	10
	Đạt dưới 50%	3
	Đạt từ 50% - 59%	5
	Đạt từ 60% - 69%	6
	Đạt từ 70% - 79%	7
	Đạt từ 80% - 89%	8
	Đạt từ 90% - 99%	9
	Đạt 100%	10
b)	<i>100 % thành viên trong đơn vị đạt từ “Lao động tiến tiến” trở lên</i>	5
	Đạt từ 60% - 69%	1
	Đạt từ 70% - 79%	2
	Đạt từ 80% - 89%	3
	Đạt từ 90% – 99%	4
	Đạt 100%	5
c)	<i>100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi</i>	5
	Đạt từ 60% - 69%	1
	Đạt từ 70% - 79%	2
	Đạt từ 80% - 89%	3
	Đạt từ 90% - 99%	4
	Đạt 100%	5
d)	<i>100 % thành viên trong đơn vị hoàn thành đủ chương trình học tập, bắt buộc theo quy định của nhà nước</i>	10

	Đạt dưới 50%	3
	Đạt từ 50% - 59%	5
	Đạt từ 60% - 69%	6
	Đạt từ 70% - 79%	7
	Đạt từ 80% - 89%	8
	Đạt từ 90% - 99%	9
	Đạt 100%	10
3	Đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng đơn vị học tập	40
a)	100 % thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của công dân học tập gồm: Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm của công dân với gia đình, xã hội; có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân; có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường; biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Có tư duy phản biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề; tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới; hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp.	25
	Đạt dưới 50%	2
	Đạt từ 50% - 59%	6
	Đạt từ 60% - 69%	10
	Đạt từ 70% - 79%	14
	Đạt từ 80% - 89%	17
	Đạt từ 90% – 99%	21
	Đạt 100%	25
b)	Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên	10
	Không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	2
	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	6
	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”	8
	Được tặng cờ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	9
	Được nhận cờ thi đua cấp Trung ương	10
c)	Góp phần tạo môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác	5
	Tổng số điểm tối đa	100

Xếp loại “Đơn vị học tập”

- Loại tốt: Đạt từ 85 đến 100 điểm;
- Loại khá: Đạt từ 70 đến dưới 85 điểm;
- Loại trung bình: Đạt từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Loại chưa đạt: Các trường hợp còn lại./.

Phụ lục 02

.....
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

Thanh Hoá, ngày tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO**Kết quả đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 20...****I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NĂM 20....****1. Thông tin chung**

- Tên cơ quan:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại: Email:
- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

2. Kết quả đánh giá, xếp loại

Stt	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đơn vị tự chấm
1	Các điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập	30	
a)	<i>Đơn vị có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên</i>	10	
	Không có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên	0	
	Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên	5	
	Có chủ trương hoặc kế hoạch cho thành viên học tập thường xuyên và các nội dung trong chủ trương hoặc kế hoạch đều thực hiện được	10	
b)	<i>Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập</i>	10	
	Không có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	0	
	Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	5	
	Có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập và các quy định thực sự động viên tốt các thành viên trong đơn vị học tập	10	
c)	<i>Đơn vị quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên</i>	10	
	Không quan tâm	0	
	Đã quan tâm đầu tư các nguồn lực	5	
	Đã quan tâm đầu tư nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo) và sự quan tâm đó đã đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên	10	
2.	Kết quả học tập của thành viên		
a)	<i>100% thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hằng năm được lãnh đạo phê duyệt</i>	10	

	Đạt dưới 50%	3	
	Đạt từ 50% - 59%	5	
	Đạt từ 60% - 69%	6	
	Đạt từ 70% - 79%	7	
	Đạt từ 80% - 89%	8	
	Đạt từ 90% – 99%	9	
	Đạt 100%	10	
b)	100 % thành viên trong đơn vị đạt từ “Lao động tiên tiến” trở lên	5	
	Đạt từ 60% - 69%	1	
	Đạt từ 70% - 79%	2	
	Đạt từ 80% - 89%	3	
	Đạt từ 90% – 99%	4	
	Đạt 100%	5	
c)	100% thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi	5	
	Đạt từ 60% - 69%	1	
	Đạt từ 70% - 79%	2	
	Đạt từ 80% - 89%	3	
	Đạt từ 90% – 99%	4	
	Đạt 100%	5	
d)	100 % thành viên trong đơn vị hoàn thành đủ chương trình học tập, bắt buộc theo quy định của nhà nước	10	
	Đạt dưới 50%	3	
	Đạt từ 50% - 59%	5	
	Đạt từ 60% - 69%	6	
	Đạt từ 70% - 79%	7	
	Đạt từ 80% - 89%	8	
	Đạt từ 90% – 99%	9	
	Đạt 100%	10	
3	Đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng đơn vị học tập	40	
a)	100 % thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của công dân học tập gồm: Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm của công dân với gia đình, xã hội; có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân; có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường; biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; Có tư duy phản biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề; tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới; hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp.	25	
	Đạt dưới 50%	2	
	Đạt từ 50% - 59%	6	
	Đạt từ 60% - 69%	10	
	Đạt từ 70% - 79%	14	
	Đạt từ 80% - 89%	17	
	Đạt từ 90% – 99%	21	
	Đạt 100%	25	
b)	Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên	10	
	Không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	2	
	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	6	
	Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”	8	
	Được tặng cờ thi đua cấp Bộ, cấp tỉnh và tương đương	9	

	Được nhận cờ thi đua cấp Trung ương	10	
c)	<i>Góp phần tạo môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác</i>	5	
	Tổng số điểm đạt được	100	

3. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

3.1. Tồn tại hạn chế

3.2. Nguyên nhân

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 20...

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

.....